

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày: 10/01/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Diệu Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Thành Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2023/TLST – DS ngày 27 tháng 9 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2023/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

Địa chỉ: Số B B, N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có: Ông **Phạm Quốc T** – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có: Ông **Huỳnh Hoàng N** - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh V - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Ông Huỳnh Hoàng N ủy quyền lại cho: Ông **Thái Ngọc C** – Chức vụ: Chuyên viên Quan hệ Khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Phòng G – Chi nhánh V. Địa chỉ: Số B, Phan Văn Đ, Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy ủy quyền số 289/2023/UQ-HDB ngày 28/8/2023, có mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Đoàn Thị D**, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị **Phạm Thị Hồng T1**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (con của bà D, xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (sau đây gọi là: Ngân hàng) do người đại diện trình bày và yêu cầu:*

Ngân hàng cho bà Đoàn Thị D vay số tiền là 200.000.000đ, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn trồng cam, theo Hợp đồng tín dụng số 003/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 23/01/2019 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 003/19PGDTBi/HĐBĐ/KUNN04 ngày 25/01/2022. Ngoài ra bà D còn mở thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng được Ngân hàng duyệt vào ngày 11/02/2019.

Để đảm bảo khoản vay, bà D có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BI 564175, sổ vào sổ cấp GCN CH04767 do UBND huyện T ký cấp cho bà Đoàn Thị D vào ngày 20/02/2014 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 003/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 23/01/2019, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 23/01/2019.

Do bà Đoàn Thị D đã vi phạm thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Yêu cầu bà Đoàn Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ tính đến ngày 25/8/2023 tổng cộng là 201.611.073đ (trong đó: nợ vay gốc là 168.549.193đ, lãi trong hạn là 6.521.781đ, lãi quá hạn đối với nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả là 22.047.210đ; nợ gốc thẻ tín dụng là 2.052.395đ, lãi nợ thẻ tín dụng là 1.240.494đ, tiền phí thẻ tín dụng là 1.200.000đ).

2/ Bà Đoàn Thị D phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng từ ngày 26/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3/ Trường hợp bà Đoàn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại Ngân hàng, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để cân trừ nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng, thì bà Đoàn Thị D phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

** Tại biên bản hòa giải ngày 27/11/2023, bị đơn bà Đoàn Thị D trình bày:* Bà D thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền 200.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng ngày 23/01/2019. Để đảm bảo khoản vay bà D có thế chấp thửa đất số 90, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà D đứng tên giấy chứng nhận theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/01/2019. Bà D thừa nhận bà D có ký tên vào 02 hợp đồng trên. Sau khi vay thì bà D có trả cho Ngân hàng được 29.000.000đ tiền nợ gốc và 7.000.000đ tiền lãi nợ quá hạn.

Đối với khoản nợ thế tín dụng thì bà D thừa nhận có ký tên trong “Giấy đề nghị cấp thế tín dụng”, tuy nhiên bà D không có nhận thế tín dụng, không có sử dụng số tiền trong thế tín dụng này.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì bà D có ý kiến như sau: Bà D chỉ đồng ý trả nợ theo Hợp đồng tín dụng ngày 23/01/2019 đối với số tiền nợ gốc và lãi phát sinh. Trường hợp bà D không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà D đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Bà D đề nghị được trả nợ theo quý, mỗi quý trả 5.000.000đ tiền nợ gốc. Đối với số tiền nợ thế tín dụng thì bà D không đồng ý trả theo yêu cầu của Ngân hàng.

Trên thửa đất số 90 đang thế chấp cho Ngân hàng có 01 căn nhà cấp 04 hiện do bà D và con gái bà D tên Phạm Thị Hồng T1 đang ở, ngoài ra trên đất còn có một số cây trồng. Thửa đất số 90 và toàn bộ tài sản trên đất là của cá nhân bà D.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Phạm Thị Hồng T1 trình bày:* Chị T1 là con ruột của bà Đoàn Thị D, chị T1 xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án. Chị Tiên đồng ý với ý kiến của bà D và chị T1 không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện. Tính đến phiên tòa hôm nay ngày 10/01/2024 bà D còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 211.864.048đ (trong đó: Nợ vay gốc là 167.066.363đ, nợ lãi trọng hạn là 6.521.781đ, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả là 35.623.386đ; tiền lãi nợ thế tín dụng là 1.416.606đ, tiền phí thế tín dụng là 1.235.000đ), nợ gốc thế tín dụng bà D đã trả đủ. Đối với đề nghị của bà D xin

được trả dần theo quý, mỗi quý trả 5.000.000đ thì Ngân hàng không đồng ý. Ngân hàng tự nguyện nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Bị đơn bà Đoàn Thị D trình bày: Bà D thừa nhận có vay tiền và còn nợ tiền vay như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng, bà D đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nhưng xin được trả dần theo quý, mỗi quý trả 5.000.000đ cho đến khi hết nợ, trường hợp không trả được nợ thì bà D đồng ý giao tài sản đã thế chấp để phát mãi thu hồi nợ cho Ngân hàng; đối với khoản nợ thẻ tín dụng thì bà D thừa nhận chữ ký tên, chữ viết họ tên trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng là của bà D nhưng bà D không có nhận, không sử dụng tiền trong thẻ tín dụng nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Bà D thừa nhận có kêu con gái của bà D là chị Phạm Thị Hồng Q nộp 200.000đ tiền nợ thẻ tín dụng theo yêu cầu của cán bộ Ngân hàng.

- Đại diện Ngân hàng và bà D không nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Về án phí, bà Đoàn Thị D được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (*sau đây gọi là: Ngân hàng*) là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị D trả tiền vốn vay, tiền nợ thẻ tín dụng, tiền lãi và tiền phí theo các hợp đồng đã ký; bị đơn bà Đoàn Thị D có nơi cư trú tại ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Hồng T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt chị T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu bà Đoàn Thị D trả nợ vay và nợ lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa Ngân hàng và bà Đoàn Thị D có ký “Hợp đồng tín dụng hạn mức” số 003/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 23/01/2019 và “Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ” số 003/19PGDTBi/HĐBĐ/KUNN04 ngày 25/01/2022, theo đó bà D có vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000đ, lãi suất trong hạn 03 tháng đầu là 11%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần, mục đích vay là bổ sung vốn trồng cam, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 26/01/2022 đến ngày 25/01/2023.

Do bà D vi phạm thỏa thuận đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 10/01/2024 (phiên tòa sơ thẩm) tổng cộng nợ vốn, nợ lãi là 209.211.530đ, trong đó nợ gốc là 167.066.363đ, nợ lãi trong hạn là 6.521.781đ, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả là 35.623.386đ; yêu cầu bà D phải thanh toán nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ.

Xét thấy, bà D thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc bà D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc, nợ lãi như nêu trên, bà D còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 23/01/2019 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/01/2022 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu bà Đoàn Thị D trả nợ gốc, nợ lãi, tiền phí của thẻ tín dụng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng” do bà Đoàn Thị D ký ngày 24/01/2019 và được Ngân hàng chấp nhận vào ngày 11/02/2019 thể hiện bà D có đăng ký mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng và được Ngân hàng duyệt với hạn mức tín dụng là 10.000.000đ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D trả tiền còn nợ của khoản nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 10/01/2024 (phiên tòa sơ thẩm) tổng cộng là 2.652.518đ,

trong đó gồm: tiền lãi là 1.416.606đ, tiền phí thẻ là 1.235.000đ; yêu cầu trả lãi phát sinh theo mức lãi suất trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kể từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ.

Xét thấy, bà D thừa nhận có ký tên, viết họ tên trong “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng” ngày 24/01/2019. Mặc dù bà D không thừa nhận có nhận thẻ, không sử dụng tiền trong thẻ tín dụng nhưng bà D thừa nhận sau khi số tiền trong thẻ tín dụng được sử dụng thì bà D có kêu con gái là chị Phạm Thị Hồng Q nộp 200.000đ vào thẻ để thanh toán nợ. Cho nên có căn cứ xác định bà D có biết, có sử dụng tiền trong thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D trả tiền lãi, tiền phí của thẻ tín dụng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà D không có khả năng thanh toán nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa Ngân hàng và bà Đoàn Thị D có ký “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 003/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 23/01/2019, theo nội dung của hợp đồng thì bà D thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất đất số 90, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.705,7m², mục đích sử dụng: Đất ở (300m²) và đất trồng cây lâu năm (3.405,7m²), địa chỉ thửa đất: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do bà Đoàn Thị D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BI 564175, số vào sổ cấp GCN CH04767, được UBND huyện T ký cấp ngày 20/02/2014.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Tạ Thị T2 chứng nhận vào ngày 23/01/2019, sau đó các bên có làm “Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất” ngày 23/01/2019 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T chứng nhận việc thế chấp cùng ngày 23/01/2019 nên “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 003/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 23/01/2019 có hiệu lực pháp luật. Bà Đoàn Thị D đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà D không trả được nợ cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bà D không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2023 thì trên tài sản thế chấp là thửa đất số 90 có 01 căn nhà cấp 4, nhà phụ hiện do bà Đoàn Thị D cùng con gái là chị Phạm Thị Hồng T1 đang ở, trên đất còn có một số cây trồng như: Dừa, Măng cụt, C1, C2, M,... Ngoài ra trên đất còn có một nền nhà đã bỏ hoang, phần mồ mã của gia đình bà D gồm 02 cái Tháp, 05 ngôi mộ. Do đó, cần

buộc chị T1 có trách nhiệm cùng bà D giao tài sản đã thế chấp trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 200.000đ, đại diện Ngân hàng tự nguyện nộp nên được ghi nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị D phải nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng. Xét thấy, bà D sinh ngày 01/01/1963 là người cao tuổi và bà D có đơn xin miễn tiền án phí. Do đó, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà D. Ngân hàng không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 292, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

1.1. Buộc bà Đoàn Thị D có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H số tiền 211.864.048đ (hai trăm mười một triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi tám đồng), trong đó: nợ vay gốc là 167.066.363đ, nợ lãi trong hạn là 6.521.781đ, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả là 35.623.386đ; nợ lãi của khoản nợ thế tín dụng là 1.416.606đ, tiền phí thế tín dụng là 1.235.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Đoàn Thị D còn phải trả lãi phát sinh trên số dư nợ còn lại cho Ngân

hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 003/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 23/01/2019, Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 003/19PGDTBi/HĐBĐ/KUNN04 ngày 25/01/2022 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng được Ngân hàng xét duyệt ngày 11/02/2019.

1.2. Trường hợp bà Đoàn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 003/19PGDTBi/HĐBĐ ngày 23/01/2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.705,7m², mục đích sử dụng: Đất ở (300m²) và đất trồng cây lâu năm (3.405,7m²), địa chỉ thửa đất: ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do bà Đoàn Thị D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BI 564175, sổ vào sổ cấp GCN CH04767, được UBND huyện T ký cấp ngày 20/02/2014. Bà Đoàn Thị D và chị Phạm Thị Hồng T1 có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp cho Cơ quan Thi hành án để xử lý tài sản thế chấp để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đoàn Thị D.

2.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 5.040.277đ (năm triệu không trăm bốn mươi ngàn hai trăm bảy mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004362 ngày 27/9/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng tự nguyện nộp toàn bộ chi phí là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), Ngân hàng đã nộp đủ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng

mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH LUÂN